

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y Tế tỉnh Quảng Ninh

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh;**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh **1022/SYT-GPHĐ**

Cơ quan cấp: **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** Cấp ngày **03 tháng 08 năm 2022**

Địa chỉ: **Khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: **BSCCKII Đỗ Duy Long, Phó giám đốc
bệnh viện**

Điện thoại liên hệ: **0203 3696 568**

Email: **bvsnqn.syt@gmail.com**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- 1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục 1)**
- 2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục 1)**
- 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục 1)**
- 4. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh (Phụ lục 1)**
- 5. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục 2)**
- 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 3)**

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

Phụ lục 1
THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN
(Tại một thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học thực hành tối đa theo NGD	Số giường ở khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
Trình độ đào tạo Thạc sĩ/BSCKI												
	87201	Y học										
1	8720104	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh Ngoại khoa – Theo chương trình thực tế tốt nghiệp	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa	Khoa Ngoại – Chuyên khoa	1	5	50	5	0	5
2		BSCK I	Sân phụ khoa	Khám chữa bệnh chuyên ngành Sân phụ khoa - Theo chương trình thực tế tốt nghiệp	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	Khoa Khám bệnh	1	2		2	0	2
						Khoa Sản đẻ	3	7	25	7	0	7
						Khoa sản theo yêu cầu	4	10	29	10	0	10
						Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	2	5	59	5	0	5
						Khoa Sản bệnh	3	7	45	7	0	7
						Khoa Hỗ trợ sinh sản	1	3	12	3	0	3
						Khoa Phụ	7	20	74	20	0	20
3	8720106	Thạc sĩ/ BSCK I	Nhi khoa	Khám chữa bệnh chuyên ngành Nhi khoa - Theo chương trình thực tế tốt nghiệp	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành nhi khoa	Khoa Khám bệnh	1	2		2	0	2
						Khoa Nội	4	10	23	10	0	10
						Đơn nguyên Tâm bệnh – PHCN	1	2	24	2	0	2
						Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	7	20	82	20	0	20
						Khoa Sơ sinh	5	13	50	13	0	13
						Khoa Các bệnh nhiệt đới	3	7	26	7	0	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học thực hành tối đa theo NGD	Số giường ở khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						Khoa Hồi sức tích cực	3	7	12	7	0	7
		Dinh dưỡng										
4		BSCK I	Dinh dưỡng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng tiết chế	1	2		2	0	2
Trình độ đào tạo Đại học												
	77201	Y học										
5	7720101	Đại học	Y khoa	Theo chương trình thực tế tốt nghiệp Sản Nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	Khoa Khám bệnh	1	3		3	0	3
						Khoa Sản đẻ	4	10	25	10	0	10
						Khoa sản theo yêu cầu	4	10	29	10	0	10
						Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	2	5	59	5	0	5
						Khoa Sản bệnh	3	7	45	7	0	7
						Khoa Hỗ trợ sinh sản	1	2	12	2	0	2
						Khoa Phụ	7	20	74	20	0	20
5	7720101	Đại học	Y khoa	Khám chữa bệnh y khoa - Theo chương trình thực tế tốt nghiệp Sản Nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành nhi khoa	Khoa Khám bệnh	1	3		3	0	3
						Khoa Nội	5	20	23	20	0	20
						Đơn nguyên Tâm bệnh – PHCN	1	3	24	3	0	3
						Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	7	20	82	20	0	20
						Khoa Sơ sinh	5	15	50	15	0	15
						Khoa Các bệnh nhiệt đới	3	7	26	7	0	7
						Khoa Hồi sức tích cực	3	7	12	7	0	7

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học thực hành tối đa theo NGD	Số giường ở khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	77203	Điều dưỡng – Hộ sinh										
6	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản - Quy trình kỹ thuật và chăm sóc người bệnh từ đó nhận định, đánh giá tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc - Xử trí, sơ cấp cứu ban đầu 	Khoa Khám bệnh	2	5		5	0	5
						Khoa Nội	5	10	23	10	0	10
						Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	9	30	82	30	0	30
						Khoa Sơ sinh	5	15	50	15	0	15
						Khoa Các bệnh nhiệt đới	3	10	26	10	0	10
Khoa Hồi sức tích cực	4	10	12	10	0	10						
7	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình các kỹ thuật hộ sinh cơ bản - Quy trình kỹ thuật và chăm sóc người bệnh từ đó nhận định, đánh giá tình trạng sản phụ, người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc - Xử trí, sơ cấp cứu ban đầu 	Khoa Sản đẻ	5	13	25	13	0	13
						Khoa sản theo yêu cầu	4	10	29	10	0	10
						Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	2	5	59	5	0	5
						Khoa Sản bệnh	4	10	45	10	0	10
						Khoa Phụ	8	25	74	25	0	25
	77204	Dinh dưỡng										
8	7720401	Đại học	Dinh dưỡng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng tiết chế	1	5		5	0	5
	77206	Kỹ thuật y học										
9	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét	Kỹ thuật xét nghiệm, vi sinh, sinh hóa – Theo	Thực hành lấy mẫu bệnh phẩm, các quy	Khoa Huyết học – Vi sinh – Sinh học phân tử	2	10		10	0	10

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học thực hành tối đa theo NGD	Số giường ở khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			nghiệm y học	chương trình thực tế tốt nghiệp	trình kỹ thuật, sử dụng máy xét nghiệm	Khoa Sinh hóa	1	5		5	0	5
Trình độ đào tạo Cao đẳng												
	67205	Điều dưỡng – Hộ sinh										
10	6720501	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản - Quy trình kỹ thuật và chăm sóc người bệnh từ đó nhận định, đánh giá tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc - Xử trí, sơ cấp cứu ban đầu 	Khoa Khám bệnh	2	5		5	0	5
						Khoa Nội	6	10	23	10	0	10
						Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	11	30	82	30	0	30
						Khoa Sơ sinh	6	10	50	10	0	10
						Khoa Các bệnh nhiệt đới	4	7	26	7	0	7
						Khoa Hồi sức tích cực	4	7	12	7	0	7
11	6720502	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình các kỹ thuật hộ sinh cơ bản - Quy trình kỹ thuật và chăm sóc người bệnh từ đó nhận định, đánh giá tình trạng sản phụ, người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc - Xử trí, sơ cấp cứu ban đầu 	Khoa Sản đẻ	5	10	25	10	0	10
						Khoa sản theo yêu cầu	4	7	29	7	0	7
						Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	2	5	59	5	0	5
						Khoa Sản bệnh	4	7	45	7	0	7
						Khoa Phụ	9	30	74	30	0	30

Phụ lục 2
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Tại một thời điểm)

1. Trình độ đào tạo Thạc sĩ

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bùi Hải Nam	BSCKII	Ngoại khoa	0003298/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa	Khoa Ngoại – Chuyên khoa	50
2	Nguyễn Thúy Hà	BSCKII	Sản phụ khoa	0001597/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	12	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Khám bệnh	
3	Hoàng Đăng Hùng	BSCKII	Sản phụ khoa	0003296/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản đẻ	25
4	Đinh Ngọc Lĩnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0005915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản đẻ	25
5	Phan Thị Vân	BSCKI	Sản phụ khoa	0008452/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản đẻ	25
6	Vũ Thị Thanh Ngọc	BSCKII	Sản phụ khoa	0001771/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa sản theo yêu cầu	29

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
7	Nguyễn Văn Khanh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006737/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa sản theo yêu cầu	29
8	Nguyễn Sỹ Kiên	BSCKI	Sản phụ khoa	0003297/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa sản theo yêu cầu	29
9	Đoàn Thị Hoa Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006741/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa sản theo yêu cầu	29
10	Hà Thị Diễm Hằng	BSCKII	Sản phụ khoa	0001596/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	12	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
11	Nguyễn Thị Thy Tịnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0005914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
12	Trần Quý Khánh	BSCKII	Sản phụ khoa	0005910/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản bệnh	45
13	Trần Thị Hồng	BSCKI	Sản phụ khoa	0004959/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản bệnh	45
14	Trần Thị Trang	BSCKI	Sản phụ khoa	0008248/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Sản bệnh	45

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
15	Đặng Hữu Lam	BSCKI	Sản phụ khoa	0005774/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	8	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Hỗ trợ sinh sản	12
16	Nguyễn Văn Long	BSCKII	Sản phụ khoa	0004744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
17	Phạm Thị Ngân	BSCKI	Sản phụ khoa	0005920/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
18	Nguyễn Tuấn Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
19	Trương Hữu Cường	BSCKI	Sản phụ khoa	0005721/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	4	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
20	Nguyễn Thu Hương	BSCKI	Sản phụ khoa	0004751/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
21	Vũ Thị Huyền	BSCKI	Sản phụ khoa	0002214/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74
22	Triệu Thị Hạnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0001698/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Phụ	74

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
23	Dương Văn Linh	BSCKII	Nhi	000351/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	13	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Khám bệnh	
24	Khúc Thị Ngăm	BSCKII	Nhi	000615/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nội	23
25	Nguyễn Thị Dung	BSCKI	Nhi	0001915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nội	23
26	Nguyễn Đình Tường	BSCKI	Nhi	0007676/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nội	23
27	Nguyễn Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0008018/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nội	23
28	Kiều Thị Hạnh	BSCKI	Nhi	0007674/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Đơn nguyên Tâm bệnh – PHCN	24
29	Trương Văn Thế	BSCKII	Nhi	0004735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
30	Nguyễn Thị Chúc	BSCKI	Nhi	0001916/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa	Khoa Hô hấp – Tim	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chuyên khoa Nội Nhi			bệnh nhi khoa	mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	
31	Giang Thị Huế	BSCKI	Nhi	0002485/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
32	Nông Văn Mạnh	BSCKI	Nhi	039491/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
33	Trần Văn Thiệp	BSCKI	Nhi	0005922/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
34	Cao Thị Thúy Hằng	BSCKI	Nhi	0006735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
35	Phạm Đăng Hùng	BSCKI	Nhi	005066/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa	Khoa Hô hấp –	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chuyên khoa Nội nhi			bệnh nhi khoa	Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	
36	Nguyễn Thu Hà	BSCKII	Nhi	0001628/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Sơ sinh	50
37	Đặng Hồng Duyên	BSCKI	Nhi	0001917/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Sơ sinh	50
38	Nguyễn Thị Tươi	BSCKI	Nhi	0004743/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Sơ sinh	50
39	Trần Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0004742/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Sơ sinh	50
40	Trần Thị Nhài	BSCKI	Nhi	0005516/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	8	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Sơ sinh	50
41	Phạm Ngọc Mười	BSCKII	Nhi	0001914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
42	Đỗ Thị Bích Phượng	BSCKI	Nhi	0005909/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
43	Trần Văn Lương	BSCKI	Nhi	0005913/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
44	Hoàng Tùng	BSCKII	Nhi	005289/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hồi sức tích cực	12
45	Phí Xuân Thi	BSCKII	Nhi	0005916/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hồi sức tích cực	12
46	Ân Hoàng Yên	BSCKI	Nhi	0007792/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	4	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa Hồi sức tích cực	12
47	Nguyễn Thị Trang	Bác sỹ nội trú	Dinh dưỡng	0007344/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh dinh dưỡng tiết chế	8	Dinh dưỡng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng	

Phụ lục 2
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Tại một thời điểm)

2. Trình độ đào tạo Đại học

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thúy Hà	BSCCKII	Sản phụ khoa	0001597/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	12	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Khám bệnh	
2	Hoàng Đăng Hùng	BSCCKII	Sản phụ khoa	0003296/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
3	Đinh Ngọc Lĩnh	BSCCKI	Sản phụ khoa	0005915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
4	Lã Thị Phương Linh	BSCCKI	Sản phụ khoa	0007164/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	2	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
5	Phan Thị Vân	BSCCKI	Sản phụ khoa	0008452/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
6	Vũ Thị Thanh Ngọc	BSCCKII	Sản phụ khoa	0001771/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
7	Nguyễn Văn Khanh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006737/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
8	Nguyễn Sỹ Kiên	BSCKI	Sản phụ khoa	0003297/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
9	Đoàn Thị Hoa Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006741/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
10	Hà Thị Diễm Hằng	BSCKII	Sản phụ khoa	0001596/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	12	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
11	Nguyễn Thị Thy Tịnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0005914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
12	Trần Quý Khánh	BSCKII	Sản phụ khoa	0005910/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
13	Trần Thị Hồng	BSCKI	Sản phụ khoa	0004959/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
14	Trần Thị Trang	BSCKI	Sản phụ khoa	0008248/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
15	Đặng Hữu Lam	BSCKI	Sản phụ khoa	0005774/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	8	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Hỗ trợ sinh sản	12
16	Nguyễn Văn Long	BSCKII	Sản phụ khoa	0004744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
17	Phạm Thị Ngân	BSCKI	Sản phụ khoa	0005920/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
18	Nguyễn Tuấn Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
19	Trương Hữu Cương	BSCKI	Sản phụ khoa	0005721/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	4	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
20	Nguyễn Thu Hương	BSCKI	Sản phụ khoa	0004751/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
21	Vũ Thị Huyền	BSCKI	Sản phụ khoa	0002214/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74
22	Triệu Thị Hạnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0001698/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Khám bệnh chữa bệnh y khoa/Hộ sinh	Khoa Phụ	74

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
23	Dương Văn Linh	BSCKII	Nhi	000351/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	13	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	
24	Khúc Thị Ngăm	BSCKII	Nhi	000615/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Nội	23
25	Nguyễn Thị Dung	BSCKI	Nhi	0001915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Nội	23
26	Nguyễn Đình Tường	BSCKI	Nhi	0007676/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Nội	23
27	Nguyễn Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0008018/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Nội	23
28	Nguyễn Hà Trang	BSCKI	Nhi	0008760/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	2	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Nội	23
29	Kiều Thị Hạnh	BSCKI	Nhi	0007674/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Đơn nguyên Tâm bệnh – PHCN	24
30	Trương Văn Thế	BSCKII	Nhi	0004735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
									– Thần kinh	
31	Nguyễn Thị Chúc	BSCKI	Nhi	0001916/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
32	Giang Thị Huệ	BSCKI	Nhi	0002485/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
33	Nông Văn Mạnh	BSCKI	Nhi	039491/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	6	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
34	Trần Văn Thiệp	BSCKI	Nhi	0005922/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
35	Cao Thị Thúy Hằng	BSCKI	Nhi	0006735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch –	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
									Tiêu hóa – Thần kinh	
36	Phạm Đăng Hùng	BSCKI	Nhi	005066/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
37	Nguyễn Thu Hà	BSCKII	Nhi	0001628/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
38	Đặng Hồng Duyên	BSCKI	Nhi	0001917/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
39	Nguyễn Thị Tươi	BSCKI	Nhi	0004743/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
40	Trần Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0004742/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
41	Trần Thị Nhài	BSCKI	Nhi	0005516/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	8	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
42	Phạm Ngọc Mười	BSCKII	Nhi	0001914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
43	Đỗ Thị Bích Phượng	BSCKI	Nhi	0005909/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
44	Trần Văn Lương	BSCKI	Nhi	0005913/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
45	Hoàng Tùng	BSCKII	Nhi	005289/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
46	Phí Xuân Thi	BSCKII	Nhi	0005916/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
47	Ân Hoàng Yến	BSCKI	Nhi	0007792/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	4	Nhi khoa	Khám bệnh chữa bệnh nhi khoa/Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
48	Nguyễn Thị Trang	Bác sỹ nội trú	Dinh dưỡng	0007344/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh dinh dưỡng tiết chế	8	Dinh dưỡng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng	
49	Trần Thị Thu Loan	Điều dưỡng CKI	Nhi khoa	0004838/QNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	9	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chức năng nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y					
50	Phạm Văn Võ	Điều dưỡng CKI	nhi khoa	0006609/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế, Nội vụ	7	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
51	Trương Thị Nhung	Đại học	Điều dưỡng	005563/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế, Nội vụ	2	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
52	Nguyễn Thị Lai	Đại học	Điều dưỡng	000716/QNI-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của	12	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					Bộ trưởng Bộ Nội vụ				– Thần kinh	
53	Đỗ Thị Phương	Điều dưỡng CKI	Sản Phụ khoa	0001772/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng sản phụ khoa hạng III theo chức danh qui định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	2	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
54	Nguyễn Thị Thu Phương	Đại học	Hộ sinh	0001605/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của hộ sinh hạng IV theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội Vụ	2	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
55	Trần Thị Thu Hằng	Điều dưỡng CKI	Sản Phụ khoa	0001601/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại thông tư liên tịch số	4	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề KCB liên tục	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội Vụ					
56	Nguyễn Thị Hải	Đại học	Xét nghiệm	0004755/QNI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lấy mẫu bệnh phẩm, các quy trình kỹ thuật và đọc kết quả	Khoa Huyết học – Vi sinh – Sinh học phân tử	
57	Phạm Ngọc Thành	Đại học	Xét nghiệm	0003303/QNI-CCHN	chuyên khoa xét nghiệm	7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lấy mẫu bệnh phẩm, các quy trình kỹ thuật và đọc kết quả	Khoa Sinh hóa	
58	Tạ Thị Thu Hợp	BSCKI	Xét nghiệm	000381/QNI-CCHN	Xét nghiệm huyết học + bổ sung thêm chuyên khoa xét nghiệm y học	12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lấy mẫu bệnh phẩm, các quy trình kỹ thuật và đọc kết quả	Khoa Huyết học – Vi sinh – Sinh học phân tử	

Phụ lục 2
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Tại một thời điểm)

3. Trình độ đào tạo Cao đẳng

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thúy Hà	BSCCKII	Sản phụ khoa	0001597/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	12	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Khám bệnh	
2	Hoàng Đăng Hùng	BSCCKII	Sản phụ khoa	0003296/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
3	Đinh Ngọc Linh	BSCCKI	Sản phụ khoa	0005915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
4	Lã Thị Phương Linh	BSCCKI	Sản phụ khoa	0007164/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	2	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
5	Phan Thị Vân	BSCCKI	Sản phụ khoa	0008452/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
6	Vũ Thị Thanh Ngọc	BSCCKII	Sản phụ khoa	0001771/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
7	Nguyễn Văn Khanh	BSCCKI	Sản phụ khoa	0006737/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
8	Nguyễn Sỹ Kiên	BSCKI	Sản phụ khoa	0003297/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	10	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
9	Đoàn Thị Hoa Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006741/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa sản theo yêu cầu	29
10	Hà Thị Diễm Hằng	BSCKII	Sản phụ khoa	0001596/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	12	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
11	Nguyễn Thị Thy Tịnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0005914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Đơn nguyên Hậu sản – Hậu phẫu	59
12	Trần Quý Khánh	BSCKII	Sản phụ khoa	0005910/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
13	Trần Thị Hồng	BSCKI	Sản phụ khoa	0004959/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
14	Trần Thị Trang	BSCKI	Sản phụ khoa	0008248/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	3	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45
15	Đặng Hữu Lam	BSCKI	Sản phụ khoa	0005774/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	8	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Hỗ trợ sinh sản	12
16	Nguyễn Văn Long	BSCKII	Sản phụ khoa	0004744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh	9	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chuyên khoa Sản-Phụ					
17	Phạm Thị Ngân	BSCKI	Sản phụ khoa	0005920/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
18	Nguyễn Tuấn Anh	BSCKI	Sản phụ khoa	0006744/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
19	Trương Hữu Cường	BSCKI	Sản phụ khoa	0005721/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	4	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
20	Nguyễn Thu Hương	BSCKI	Sản phụ khoa	0004751/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	9	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
21	Vũ Thị Huyền	BSCKI	Sản phụ khoa	0002214/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
22	Triệu Thị Hạnh	BSCKI	Sản phụ khoa	0001698/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ	7	Sản phụ khoa	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
23	Dương Văn Linh	BSCKII	Nhi	000351/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	13	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	
24	Khúc Thị Ngâm	BSCKII	Nhi	000615/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23
25	Nguyễn Thị Dung	BSCKI	Nhi	0001915/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chuyên khoa Nội Nhi					
26	Nguyễn Đình Tường	BSCKI	Nhi	0007676/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23
27	Nguyễn Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0008018/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23
28	Nguyễn Hà Trang	BSCKI	Nhi	0008760/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	2	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23
29	Kiều Thị Hạnh	BSCKI	Nhi	0007674/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Đơn nguyên Tâm bệnh – PHCN	24
30	Trương Văn Thế	BSCKII	Nhi	0004735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
31	Nguyễn Thị Chúc	BSCKI	Nhi	0001916/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
32	Giang Thị Huệ	BSCKI	Nhi	0002485/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
33	Nông Văn Mạnh	BSCKI	Nhi	039491/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh	6	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chuyên khoa Nhi				mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	
34	Trần Văn Thiệp	BSCKI	Nhi	0005922/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
35	Cao Thị Thúy Hằng	BSCKI	Nhi	0006735/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
36	Phạm Đăng Hùng	BSCKI	Nhi	005066/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	9	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
37	Nguyễn Thu Hà	BSCKII	Nhi	0001628/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
38	Đặng Hồng Duyên	BSCKI	Nhi	0001917/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
39	Nguyễn Thị Tươi	BSCKI	Nhi	0004743/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
40	Trần Thị Hằng	BSCKI	Nhi	0004742/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	9	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
41	Trần Thị Nhài	BSCKI	Nhi	0005516/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	8	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
42	Phạm Ngọc Mười	BSCKII	Nhi	0001914/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	12	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
43	Đỗ Thị Bích Phượng	BSCKI	Nhi	0005909/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
44	Trần Văn Lương	BSCKI	Nhi	0005913/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
45	Hoàng Tùng	BSCKII	Nhi	005289/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
46	Phí Xuân Thi	BSCKII	Nhi	0005916/QNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	7	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
47	Ân Hoàng Yến	BSCKI	Nhi	0007792/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	4	Nhi khoa	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
48	Trần Thị Thu Loan	Điều dưỡng CKI	Nhi khoa	0004838/QNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	9	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					chức năng nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y					
49	Phạm Văn Võ	Điều dưỡng CKI	nhi khoa	0006609/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế, Nội vụ	7	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực	12
50	Trương Thị Hiền	Đại học	Điều dưỡng	000307/QNI-GPHN	Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Nội	23
51	Lê Văn Hải	Đại học	Điều dưỡng	000311/QNI-GPHN	Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
52	Nguyễn Thị Phương	Đại học	Điều dưỡng	000312/QNI-GPHN	Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
53	Trương Thị Nhung	Đại học	Điều dưỡng	005563/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo quy định tại Thông tư liên	2	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế, Nội vụ					
54	Nguyễn Thị Lai	Đại học	Điều dưỡng	000716/QNI-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	12	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh	82
55	Nguyễn Thị Hương	Đại học	Điều dưỡng	000328/QNI-GPHN	Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Sơ sinh	50
56	Hoàng Duy Bông	Đại học	Điều dưỡng	000340/QNI-GPHN	Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Khoa Các bệnh nhiệt đới	26
57	Đỗ Thị Phương	Điều dưỡng CKI	Sản Phụ khoa	0001772/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng sản phụ khoa hạng III theo chức danh qui định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	2	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản đẻ	25
58	Nguyễn Thị Thu Phương	Đại học	Hộ sinh	0001605/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của hộ sinh hạng	2	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Sản bệnh	45

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác (năm)	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					IV theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội Vụ					
59	Trần Thị Thu Hằng	Điều dưỡng CKI	Sản Phụ khoa	0001601/QNI-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội Vụ	4	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74
60	Nguyễn Thanh Mai	Cao đẳng	Hộ sinh	0001613/QNI-CCHN	Theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế	4	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Khoa Phụ	74

Phụ lục 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ DÙNG CHUNG

	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng học	2	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
2.	Máy tính	2	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
3.	Màn hình led	2	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
4.	Âm thanh (bộ)	2	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
5.	Bàn ghế làm việc	60	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
6.	Bàn làm việc phòng giao ban	20	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
7.	Ghế ngồi	200	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
8.	Ghế phòng họp giao ban	50	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
9.	Ghế đầu quay	50	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
10.	Ghế hội trường	130	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
11.	Bàn hội trường	4	Hội trường 1 – Nhà A Điều hành Hội trường 2 – Nhà A Điều hành
12.	Máy fax	4	
13.	Máy tính tay	5	
14.	Mô hình nhi	4	

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT
TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI QUẢNG NINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DẠY THỰC HÀNH**

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
	Khoa Ngoại - CK		
1.	Phòng giao ban	1	Ngoại - CK
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Ngoại - CK
4.	Bộ máy tính	2	Ngoại - CK
5.	Màn hình TV 100 inch	1	Ngoại - CK
6.	Bảng viết	1	Ngoại - CK
7.	Bộ bàn ghế	5	Ngoại - CK
8.	Dao mổ Plasma	1	Ngoại - CK
9.	Bàn khám bệnh người lớn	1	Ngoại - CK
10.	Bộ đặt nội khí quản	1	Ngoại - CK
11.	Bơm tiêm điện	4	Ngoại - CK
12.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	1	Ngoại - CK
13.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	2	Ngoại - CK
14.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	2	Ngoại - CK
15.	Máy hút dịch	1	Ngoại - CK
16.	Máy hút dịch áp lực thấp	2	Ngoại - CK
17.	Máy khí dung	2	Ngoại - CK
18.	Máy sàng lọc điếc trẻ sơ sinh	1	Ngoại - CK
19.	Máy sàng lọc thính lực trẻ sơ sinh	1	Ngoại - CK
20.	Máy truyền dịch	4	Ngoại - CK
21.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Ngoại - CK
22.	Máy đo nhĩ lượng sàng lọc	1	Ngoại - CK
23.	Bộ dụng cụ phẫu thuật lác	1	Ngoại - CK
24.	Máy sàng lọc thính lực trẻ em	1	Ngoại - CK
25.	Máy đo số độ mắt kính	1	Ngoại - CK

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
26.	Máy mài kính tự động	1	Ngoại - CK
27.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	2	Ngoại - CK
28.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	1	Ngoại - CK
29.	Hệ thống nội soi tai mũi họng	1	Ngoại - CK
	Khoa Gây Mê Hồi Tỉnh		
1.	Phòng giao ban	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
4.	Bộ máy tính	5	Gây Mê Hồi Tỉnh
5.	Bộ bàn ghế	5	Gây Mê Hồi Tỉnh
6.	Máy chiếu	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
7.	Màn chiếu	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
8.	Màn hình TV 100 inch	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
9.	Bàn mổ đa năng cho nhi	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
10.	Bàn mổ sản đa năng điện thủy lực	3	Gây Mê Hồi Tỉnh
11.	Bộ đặt nội khí quản	4	Gây Mê Hồi Tỉnh
12.	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
13.	Bộ làm ấm làm ẩm để thở oxy dòng cao qua gọng mũi	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
14.	Bơm tiêm điện	14	Gây Mê Hồi Tỉnh
15.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
16.	Dao mổ điện	3	Gây Mê Hồi Tỉnh
17.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	4	Gây Mê Hồi Tỉnh
18.	Đèn đọc phim X-quang loại 6 phim	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
19.	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh 2 chóa ≥ 160.000 lux	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
20.	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh 2 chóa ≥ 160.000 lux kèm hệ thống camera	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
21.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	5	Gây Mê Hồi Tỉnh
22.	Giường sưởi ấm sơ sinh	1	Gây Mê Hồi Tỉnh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
23.	Hệ thống chăm sóc open care, sưởi ấm, hồi sức, điều trị vàng da sơ sinh	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
24.	Hệ thống mổ nội soi nhi khoa	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
25.	Hệ thống phẫu thuật nội soi Sản phụ khoa	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
26.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
27.	Máy đo bão hòa oxy sàng lọc tim bẩm sinh	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
28.	Máy đo độ bão hòa oxy cầm tay	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
29.	Máy gây mê kèm thở	5	Gây Mê Hồi Tỉnh
30.	Máy hút ảm	7	Gây Mê Hồi Tỉnh
31.	Máy hút dịch	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
32.	Máy làm ấm dịch truyền	3	Gây Mê Hồi Tỉnh
33.	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
34.	Máy thở cho trẻ em và sơ sinh	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
35.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
36.	Máy truyền dịch	20	Gây Mê Hồi Tỉnh
37.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	8	Gây Mê Hồi Tỉnh
38.	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	3	Gây Mê Hồi Tỉnh
39.	Tủ lạnh	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
40.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
41.	Thiết bị rửa tay phẫu thuật viên 2 người	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
42.	Thiết bị soi ối	6	Gây Mê Hồi Tỉnh
43.	Bơm tiêm điện PCA	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
44.	Dao mổ siêu âm	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
45.	Hệ thống phẫu thuật nội soi	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
46.	Dao mổ siêu âm (máy chính: máy cắt đốt điện siêu âm; Nguồn cắt đốt điện cao tần; xe đẩy máy chuyên dụng)	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
47.	Đèn mổ tích hợp camera và monitor	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
48.	Hệ thống chụp mạch xóa nền 2 bình diện	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
49.	Máy thở	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
50.	Bàn mổ đa năng	1	Gây Mê Hồi Tỉnh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
51.	Máy tạo nhịp tạm thời hai buồng	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
52.	Bộ mổ nội soi tiết niệu trẻ em	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
53.	Bàn mổ tim	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
54.	Bồn rửa tay vô trùng	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
55.	Bơm tiêm điện TCI	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
56.	Chăn điện sưởi ấm cho nhi	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
57.	Đèn mổ LED treo trần 2 nhánh + Camera HD không dây + tay treo màn hình	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
58.	Đèn treo trước trán cho phẫu thuật viên chính	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
59.	Hệ thống tim phổi nhân tạo trẻ em	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
60.	Máy cưa xương ngực	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
61.	Máy đo độ đông máu tự động	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
62.	Máy gây mê kèm thở đa năng cho trẻ em	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
63.	Máy siêu âm Doppler tim mạch	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
64.	Monitor theo dõi bệnh nhân 8 thông số	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
65.	Tủ ấm máu và dịch truyền	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
66.	Trụ khí và cánh tay Pandal	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
67.	Máy bơm khí CO2 trong phẫu thuật nội soi	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
68.	Nguồn sáng lạnh nội soi	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
69.	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	5	Gây Mê Hồi Tỉnh
70.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
71.	Hệ thống hình ảnh phẫu thuật nội soi 4K	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
72.	Tủ ấm	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
73.	Xe đẩy cấp cứu	2	Gây Mê Hồi Tỉnh
74.	Máy phun sương khử khuẩn	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
75.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
76.	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi não thất ống mềm	1	Gây Mê Hồi Tỉnh
77.	Máy gây mê (tự động điều chỉnh nồng độ khí mê)	1	Gây Mê Hồi Tỉnh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
	Khoa Khám bệnh		
1.	Phòng giao ban	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực nhân viên y tế	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
4.	Bộ máy tính	17	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
5.	Bảng viết	5	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
6.	Màn hình TV 100 inch	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
7.	Bộ bàn ghế	35	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
8.	Bàn đê	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
9.	Bàn khám bệnh người lớn	4	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
10.	Bàn khám bệnh trẻ em	7	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
11.	Bộ bàn ghế khám TMH kèm Hệ thống nội soi và Bộ dụng cụ.	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
12.	Bộ ghế khám và điều trị răng	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
13.	Bộ thử thị lực	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
14.	Bơm tiêm điện	3	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
15.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
16.	Đèn clar	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
17.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
18.	Đèn đọc phim X-quang loại 3 phim	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
19.	Đèn đọc phim X-quang loại 6 phim	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
20.	Đèn khám bệnh treo trần	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
21.	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	3	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
22.	Đèn mổ di động 1 bóng	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
23.	Đèn soi đáy mắt	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
24.	Đèn soi đáy mắt gián tiếp sàng lọc bệnh võng mạc ở trẻ đẻ non	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
25.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
26.	Kính soi đáy mắt 3 mặt gương	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
27.	Kính Volk soi đáy mắt	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
28.	Máy chiếu thử thị lực tự động	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
29.	Máy Dopler tim thai	3	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
30.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	5	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
31.	Máy đo khúc xạ tự động	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
32.	Máy đốt điện cổ tử cung	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
33.	Máy hút dịch	3	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
34.	Máy khí dung	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
35.	Máy phá rung tim	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
36.	Máy soi cổ tử cung kèm monitor	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
37.	Máy soi đáy mắt gián tiếp - khám bệnh ROP	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
38.	Máy truyền dịch	4	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
39.	Monitor sản khoa	8	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
40.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	4	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
41.	Nôi giữ trẻ cạnh giường	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
42.	Nôi hấp tiệt trùng nhanh	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
43.	Sinh hiển vi khám mắt	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
44.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
45.	Cân đo trọng lượng có thước đo chiều cao	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
46.	Cân đo trọng lượng sơ sinh có thước đo	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
47.	Hệ thống nội soi tai mũi họng	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
48.	Bàn khám sản phụ khoa	2	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
49.	Đèn soi bóng đồng tử	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
50.	Xe đẩy cấp cứu	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
51.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	1	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
52.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	3	Khám bệnh – Cấp cứu lưu
	Khoa Sản Đẻ		
1.	Phòng giao ban	1	Sản đẻ
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Sản đẻ
4.	Bộ máy tính	2	Sản đẻ
5.	Bảng viết	1	Sản đẻ
6.	Bộ bàn ghế	5	Sản đẻ
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Sản đẻ
8.	Bàn đờ	4	Sản đẻ
9.	Bàn khám và làm thủ thuật phụ khoa	6	Sản đẻ
10.	Bơm tiêm điện	5	Sản đẻ
11.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	1	Sản đẻ
12.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	6	Sản đẻ
13.	Đèn mổ di động 1 bóng	3	Sản đẻ
14.	Giường sưởi ấm sơ sinh	2	Sản đẻ
15.	Máy Dopler tim thai	4	Sản đẻ
16.	Máy điện tim 6 kênh	1	Sản đẻ
17.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	1	Sản đẻ
18.	Máy hút dịch	1	Sản đẻ
19.	Máy siêu âm đen trắng	1	Sản đẻ
20.	Máy truyền dịch	3	Sản đẻ

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
21.	Monitor sản khoa	12	Sản để
22.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	4	Sản để
23.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Sản để
24.	Thiết bị làm ấm trẻ sơ sinh	1	Sản để
25.	Bàn khám bệnh người lớn	1	Sản để
26.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	3	Sản để
27.	Bàn khám sản phụ khoa	1	Sản để
28.	Xe đẩy cấp cứu	1	Sản để
29.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	1	Sản để
30.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	1	Sản để
	Khoa Sản yêu cầu		
1.	Phòng giao ban	1	Sản yêu cầu
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Sản yêu cầu
4.	Bộ máy tính	2	Sản yêu cầu
5.	Bảng viết	1	Sản yêu cầu
6.	Bộ bàn ghế	5	Sản yêu cầu
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Sản yêu cầu
8.	Bồn tắm bé kèm hệ thống lọc nước và đun nước	1	Sản yêu cầu
9.	Máy Dopler tim thai	1	Sản yêu cầu
10.	Máy hút dịch	1	Sản yêu cầu
11.	Monitor sản khoa	6	Sản yêu cầu
12.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Sản yêu cầu
13.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Sản yêu cầu
14.	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	1	Sản yêu cầu
15.	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	28	Sản yêu cầu
16.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	3	Sản yêu cầu
	ĐN hậu sản, hậu phẫu		

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban (phòng học)	1	Hậu sản – hậu phẫu
2.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Hậu sản – hậu phẫu
3.	Bộ máy tính	2	Hậu sản – hậu phẫu
4.	Bảng viết	1	Hậu sản – hậu phẫu
5.	Bộ bàn ghế	5	Hậu sản – hậu phẫu
6.	Màn hình TV 100 inch	1	Hậu sản – hậu phẫu
7.	Bồn tắm bé kèm hệ thống lọc nước và đun nước	1	Hậu sản – hậu phẫu
8.	Hệ thống chăm sóc open care, sưởi ấm, hồi sức, điều trị vàng da sơ sinh	1	Hậu sản – hậu phẫu
9.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Hậu sản – hậu phẫu
10.	Máy siêu âm điều trị đa tần số	1	Hậu sản – hậu phẫu
11.	Máy siêu âm điều trị tắc tia sữa	1	Hậu sản – hậu phẫu
12.	Bơm tiêm điện	1	Hậu sản – hậu phẫu
13.	Máy truyền dịch	1	Hậu sản – hậu phẫu
14.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	1	Hậu sản – hậu phẫu
15.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	3	Hậu sản – hậu phẫu
16.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	1	Hậu sản – hậu phẫu
	Khoa Sản bệnh		
1.	Phòng giao ban	1	Sản bệnh
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Sản bệnh
4.	Bộ máy tính	2	Sản bệnh
5.	Bảng viết	1	Sản bệnh
6.	Bộ bàn ghế	5	Sản bệnh
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Sản bệnh
8.	Bơm tiêm điện	6	Sản bệnh
9.	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	1	Sản bệnh
10.	Máy Doppler tim thai	4	Sản bệnh
11.	Máy điện tim 6 kênh	1	Sản bệnh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
12.	Máy siêu âm Doppler màu 4D	1	Sản bệnh
13.	Máy truyền dịch	3	Sản bệnh
14.	Monitor sản khoa	17	Sản bệnh
15.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Sản bệnh
16.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Sản bệnh
17.	Bơm tiêm điện	6	Sản bệnh
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	1	Sản bệnh
19.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	3	Sản bệnh
20.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	1	Sản bệnh
	Khoa Hỗ Trợ Sinh Sản		
1.	Phòng giao ban	1	Hỗ trợ sinh sản
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	3	Hỗ trợ sinh sản
4.	Bộ máy tính	2	Hỗ trợ sinh sản
5.	Bảng viết	1	Hỗ trợ sinh sản
6.	Bộ bàn ghế	10	Hỗ trợ sinh sản
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Hỗ trợ sinh sản
8.	Máy chiếu	1	Hỗ trợ sinh sản
9.	Màn chiếu	1	Hỗ trợ sinh sản
10.	Bàn đờ	1	Hỗ trợ sinh sản
11.	Bàn làm thủ thuật nhi	1	Hỗ trợ sinh sản
12.	Bình chứa Nitơ lỏng > 35 lít	1	Hỗ trợ sinh sản
13.	Bơm tiêm điện	4	Hỗ trợ sinh sản
14.	Cân kỹ thuật 0,01g	1	Hỗ trợ sinh sản
15.	Dao mổ điện	1	Hỗ trợ sinh sản
16.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	1	Hỗ trợ sinh sản
17.	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	2	Hỗ trợ sinh sản
18.	Kính hiển vi hai mắt	1	Hỗ trợ sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
19.	Máy ly tâm đa năng	2	Hỗ trợ sinh sản
20.	Máy siêu âm đen trắng	1	Hỗ trợ sinh sản
21.	Tủ ấm	3	Hỗ trợ sinh sản
22.	Tủ lạnh	1	Hỗ trợ sinh sản
23.	Tủ lạnh âm sâu	1	Hỗ trợ sinh sản
24.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Hỗ trợ sinh sản
25.	Đèn mô di động 1 bóng	1	Hỗ trợ sinh sản
26.	Hệ thống giải trình tự ADN chẩn đoán trước sinh	1	Hỗ trợ sinh sản
27.	Máy hút ẩm	3	Hỗ trợ sinh sản
28.	Máy siêu âm Doppler màu 4D	1	Hỗ trợ sinh sản
29.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Hỗ trợ sinh sản
30.	Bàn chống rung	1	Hỗ trợ sinh sản
31.	Bộ sưởi ấm mẫu cho kính hiển vi	1	Hỗ trợ sinh sản
32.	Bộ vi tiêm	1	Hỗ trợ sinh sản
33.	Bộ vi thao tác	1	Hỗ trợ sinh sản
34.	Kính hiển vi đảo ngược	1	Hỗ trợ sinh sản
35.	Bàn ấm di động cho chọc hút trứng	2	Hỗ trợ sinh sản
36.	Bàn chọc hút noãn chuyên phôi	3	Hỗ trợ sinh sản
37.	Bàn chống rung cho kính hiển vi đảo ngược	1	Hỗ trợ sinh sản
38.	Bình chứa nitơ lỏng	4	Hỗ trợ sinh sản
39.	Bình chứa Nitơ lỏng vận chuyển mẫu	2	Hỗ trợ sinh sản
40.	Bình trữ đông tinh trùng	1	Hỗ trợ sinh sản
41.	Bình trữ phôi đông lạnh	5	Hỗ trợ sinh sản
42.	Bộ micropipet đơn kênh (bộ 4 cái) cho phòng Lab IVF	2	Hỗ trợ sinh sản
43.	Bộ phận làm ấm mẫu dùng cho kính hiển vi đảo ngược	1	Hỗ trợ sinh sản
44.	Bộ phận vi tiêm và vi thao tác để thực hiện kỹ thuật ICSI hoặc thụ tinh trong ống nghiệm	1	Hỗ trợ sinh sản
45.	Bộ vi thao tác, vi tiêm, đĩa nhiệt, tấm chống rung và kính hiển vi đảo ngược cho phòng lab IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
46.	Bồn rửa tay vô trùng chuyên dụng cho phòng Lab	1	Hỗ trợ sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
47.	Buồng đếm Makler	2	Hỗ trợ sinh sản
48.	Camera kỹ thuật số kết nối trực tiếp với kính, độ phân giải 5.0 megapixel, tỷ lệ khung tối đa tại độ phân giải: 20fps tại 800x600.	1	Hỗ trợ sinh sản
49.	Camera kỹ thuật số kết nối trực tiếp với màn hình, độ phân giải 5.0 megapixel, tỷ lệ khung tối đa tại độ phân giải: 20fps tại 800x600.	1	Hỗ trợ sinh sản
50.	Hệ thống laser vi phẫu phôi thoát màng	1	Hỗ trợ sinh sản
51.	Kính hiển vi đảo ngược có cổng nối với camera	1	Hỗ trợ sinh sản
52.	Kính hiển vi soi nổi	3	Hỗ trợ sinh sản
53.	Kính hiển vi soi nổi kèm hệ thống camera, màn hình	1	Hỗ trợ sinh sản
54.	Màng lọc khí cho tủ cấy	6	Hỗ trợ sinh sản
55.	Máy đo bụi VOC cho phòng lab IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
56.	Máy đo nồng độ hỗn hợp khí CO ₂ , O ₂ dùng cho phòng lab IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
57.	Máy đo nhiệt độ bề mặt và nhiệt độ giọt môi trường	1	Hỗ trợ sinh sản
58.	Máy đo pH dùng cho phòng lab IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
59.	Máy hút ẩm cho phòng IVF	4	Hỗ trợ sinh sản
60.	Máy hút trứng	1	Hỗ trợ sinh sản
61.	Máy lọc khí cho tủ cấy + màng lọc	1	Hỗ trợ sinh sản
62.	Máy lọc khí di động dùng cho IVF	3	Hỗ trợ sinh sản
63.	Máy lọc nước tinh khiết (tự tính)	1	Hỗ trợ sinh sản
64.	Máy ly tâm dùng cho phòng lab IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
65.	Pipette Aid tự động	2	Hỗ trợ sinh sản
66.	Pipette tự động	2	Hỗ trợ sinh sản
67.	Tấm chống rung dùng cho kính hiển vi	1	Hỗ trợ sinh sản
68.	Time Slape tích hợp kính soi phôi	1	Hỗ trợ sinh sản
69.	Tủ an toàn sinh học IVF	2	Hỗ trợ sinh sản
70.	Tủ lạnh bảo quản môi trường, nuôi cấy phôi	2	Hỗ trợ sinh sản
71.	Tủ nuôi cấy phôi dùng cho phòng lab IVF (2 cửa 3 loại khí CO ₂ , N ₂ , O ₂)	3	Hỗ trợ sinh sản
72.	Tủ nuôi cấy phôi dùng cho phòng lab IVF (2 cửa, 3 loại khí CO ₂ , N ₂ , O ₂)	1	Hỗ trợ sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
73.	Bộ tủ thao tác IVF kèm hệ thống gia nhiệt có kính hiển vi	1	Hỗ trợ sinh sản
74.	Buồng IVF chamber kèm kính hiển vi soi nổi	2	Hỗ trợ sinh sản
75.	Tủ thao tác IVF 2 người	1	Hỗ trợ sinh sản
76.	Máy nhân gen tốc độ cao có chức năng gradient	2	Hỗ trợ sinh sản
77.	Máy tinh sạch sản phẩm (Máy tách chiết tinh sạch DNA/RNA và protein tự động)	1	Hỗ trợ sinh sản
78.	Tủ thao tác đôi (IVF workstations)	1	Hỗ trợ sinh sản
79.	Tủ nuôi cấy phôi kết hợp timelapse	1	Hỗ trợ sinh sản
80.	Bàn soi gel	1	Hỗ trợ sinh sản
81.	Cân kỹ thuật	1	Hỗ trợ sinh sản
82.	Heating/cooling dry block	1	Hỗ trợ sinh sản
83.	Hệ thống bơm hút chân không	1	Hỗ trợ sinh sản
84.	Máy điện di ngang	1	Hỗ trợ sinh sản
85.	Máy lắc tốc độ cao cho plate và các loại ống	2	Hỗ trợ sinh sản
86.	Máy li tâm ống máu 9ml	1	Hỗ trợ sinh sản
87.	Máy ly tâm lạnh	2	Hỗ trợ sinh sản
88.	Máy ly tâm lắng mẫu nhanh	8	Hỗ trợ sinh sản
89.	Máy vortex	7	Hỗ trợ sinh sản
90.	Pipette 8 kênh	1	Hỗ trợ sinh sản
91.	Pipette chuyên dụng cho sinh học phân tử	1	Hỗ trợ sinh sản
92.	Tủ lạnh trữ hóa chất	3	Hỗ trợ sinh sản
93.	Tủ thao tác PCR	2	Hỗ trợ sinh sản
94.	Máy luân nhiệt (Máy lai phân tử)	1	Hỗ trợ sinh sản
95.	Bộ phụ kiện cho máy ly tâm chạy với ống falcon 15/50 ml đáy nhọn	1	Hỗ trợ sinh sản
96.	Máy ly tâm spin 24 mẫu	1	Hỗ trợ sinh sản
97.	Máy ủ 2 plate	1	Hỗ trợ sinh sản
98.	Phần mềm dùng cho Gen di truyền tế bào	1	Hỗ trợ sinh sản
99.	Bàn sấy tiêu bản	1	Hỗ trợ sinh sản
100.	Bể cách thủy	2	Hỗ trợ sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
101.	Bộ lưu điện online 10kva	1	Hỗ trợ sinh sản
102.	Bơm hút chân không	1	Hỗ trợ sinh sản
103.	Camera đơn sắc	1	Hỗ trợ sinh sản
104.	Hệ thống điện di mao quản tự động	1	Hỗ trợ sinh sản
105.	Hệ thống lập sơ đồ nhiễm sắc thể	1	Hỗ trợ sinh sản
106.	Hộp trung chuyển - pass box	1	Hỗ trợ sinh sản
107.	Kính hiển vi huỳnh quang	1	Hỗ trợ sinh sản
108.	Kính hiển vi soi ngược	1	Hỗ trợ sinh sản
109.	Máy chụp ảnh gel điện di	1	Hỗ trợ sinh sản
110.	Máy điện di ngang cỡ lớn	1	Hỗ trợ sinh sản
111.	Máy điện di ngang cỡ vừa	2	Hỗ trợ sinh sản
112.	Máy nhân gen 2 block nhiệt	1	Hỗ trợ sinh sản
113.	Máy nhân gen tốc độ cao với chức năng gradient 2 chiều	2	Hỗ trợ sinh sản
114.	Máy quang phổ định lượng axit nucleic/protein	1	Hỗ trợ sinh sản
115.	Máy ủ nhiệt có làm lạnh kèm lắc rung	1	Hỗ trợ sinh sản
116.	Micro pipette chuyên dụng cho sinh học phân tử	4	Hỗ trợ sinh sản
117.	Phần mềm dùng cho kỹ thuật FISH	1	Hỗ trợ sinh sản
118.	Phần mềm lập sơ đồ NST tự động/bằng tay	1	Hỗ trợ sinh sản
119.	Tủ an toàn sinh học cấp II	1	Hỗ trợ sinh sản
120.	Tủ ấm CO ₂ ≥ 160 lít	1	Hỗ trợ sinh sản
121.	Tủ ấm CO ₂ ≥ 40 lít	1	Hỗ trợ sinh sản
122.	Tủ lọc khí độc (tủ hút khí độc)	2	Hỗ trợ sinh sản
123.	Tủ sấy ≥ 100 lít	1	Hỗ trợ sinh sản
124.	Máy ly tâm	2	Hỗ trợ sinh sản
125.	Buồng thao tác IVF	1	Hỗ trợ sinh sản
126.	Hệ thống tủ nuôi cấy BT37	1	Hỗ trợ sinh sản
127.	Tủ nuôi cấy phôi	4	Hỗ trợ sinh sản
128.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	2	Hỗ trợ sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
129.	Bàn khám sản phụ khoa	1	Hỗ trợ sinh sản
130.	Máy siêu âm	1	Hỗ trợ sinh sản
131.	Kính hiển vi soi tinh trùng	1	Hỗ trợ sinh sản
132.	Bình Ni tơ	2	Hỗ trợ sinh sản
133.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	1	Hỗ trợ sinh sản
134.	Máy siêu âm tổng quát (4D màu, chuyên sản)	1	Hỗ trợ sinh sản
	Khoa Phụ		
1.	Phòng giao ban	1	Phụ
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	4	Phụ
4.	Bộ máy tính	2	Phụ
5.	Bảng viết	1	Phụ
6.	Bộ bàn ghế	10	Phụ
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Phụ
8.	Bàn đê	1	Phụ
9.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	2	Phụ
10.	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	2	Phụ
11.	Đèn mổ di động 1 bóng	2	Phụ
12.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	1	Phụ
13.	Máy hút âm	1	Phụ
14.	Máy hút dịch	2	Phụ
15.	Máy siêu âm Doppler màu	1	Phụ
16.	Máy siêu âm đen trắng	1	Phụ
17.	Máy truyền dịch	1	Phụ
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	3	Phụ
19.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	2	Phụ
20.	Bàn khám và làm thủ thuật phụ khoa	1	Phụ
21.	Máy soi cổ tử cung kèm monitor	1	Phụ

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
22.	Máy siêu âm Doppler màu 4D	1	Phụ
23.	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	7	Phụ
24.	Bơm tiêm điện	2	Phụ
25.	Máy siêu âm siêu âm tổng quát (Có doppler màu 4D, chuyên sản khoa)	1	Phụ
26.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	1	Phụ
27.	Bộ đặt nội khí quản người lớn	1	Phụ
28.	Xe đẩy cấp cứu	1	Phụ
29.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	1	Phụ
30.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	4	Phụ
31.	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu	1	Phụ
	Khoa Nội		
1.	Phòng giao ban	1	Nội
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Nội
4.	Bộ máy tính	2	Nội
5.	Bảng viết	1	Nội
6.	Bộ bàn ghế	5	Nội
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Nội
8.	Máy chiếu	1	Nội
9.	Màn chiếu	1	Nội
10.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	1	Nội
11.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	1	Nội
12.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	1	Nội
13.	Máy truyền dịch	9	Nội
14.	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	1	Nội
15.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	Nội
16.	Bơm tiêm điện	8	Nội
17.	Đèn điều trị vàng da	1	Nội

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	Nội
19.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	1	Nội
20.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	3	Nội
21.	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu	1	Nội
	ĐN Tâm bệnh - PHCN		
1.	Phòng giao ban	1	Tâm bệnh - PHCN
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Tâm bệnh - PHCN
4.	Bộ máy tính	2	Tâm bệnh - PHCN
5.	Bảng viết	1	Tâm bệnh - PHCN
6.	Bộ bàn ghế	5	Tâm bệnh - PHCN
7.	Máy điện châm đa năng	1	Tâm bệnh - PHCN
8.	Máy điện xung và điện phân	1	Tâm bệnh - PHCN
9.	Máy điều trị giao thoa 4 kênh	1	Tâm bệnh - PHCN
10.	Máy kéo giãn cột sống	1	Tâm bệnh - PHCN
11.	Máy kích thích luyện tập phát âm	1	Tâm bệnh - PHCN
12.	Máy kích thích phát âm	1	Tâm bệnh - PHCN
13.	Máy siêu âm điều trị	1	Tâm bệnh - PHCN
14.	Bồn tắm sục ngâm trị liệu cho trẻ tự kỷ	2	Tâm bệnh - PHCN
15.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	1	Tâm bệnh - PHCN
16.	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu	1	Tâm bệnh - PHCN
	Khoa Hô hấp – Tim mạch – Tiêu hóa – Thần kinh		
1.	Phòng giao ban	2	HH-TM-TH-TK
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	4	HH-TM-TH-TK
4.	Bộ máy tính	4	HH-TM-TH-TK
5.	Bảng viết	2	HH-TM-TH-TK
6.	Bộ bàn ghế	15	HH-TM-TH-TK

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
7.	Màn hình TV 100 inch	2	HH-TM-TH-TK
8.	Bộ đặt nội khí quản	1	HH-TM-TH-TK
9.	Bơm tiêm điện	22	HH-TM-TH-TK
10.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	2	HH-TM-TH-TK
11.	Đèn khám bệnh treo trần	1	HH-TM-TH-TK
12.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	2	HH-TM-TH-TK
13.	Hệ thống Holter điện tim	1	HH-TM-TH-TK
14.	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng	1	HH-TM-TH-TK
15.	Hệ thống nội soi khí phế quản	1	HH-TM-TH-TK
16.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	1	HH-TM-TH-TK
17.	Máy điện tim 6 kênh	1	HH-TM-TH-TK
18.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	5	HH-TM-TH-TK
19.	Máy hút dịch	2	HH-TM-TH-TK
20.	Máy hút dịch áp lực thấp	2	HH-TM-TH-TK
21.	Máy khí dung	1	HH-TM-TH-TK
22.	Máy truyền dịch	19	HH-TM-TH-TK
23.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	7	HH-TM-TH-TK
24.	Tủ lạnh	1	HH-TM-TH-TK
25.	Tủ lạnh bảo quản thuốc	1	HH-TM-TH-TK
26.	Máy hút ẩm	1	HH-TM-TH-TK
27.	Máy siêu âm 4D chuyên tim	1	HH-TM-TH-TK
28.	Xe đẩy cấp cứu	2	HH-TM-TH-TK
29.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	6	HH-TM-TH-TK
30.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	1	HH-TM-TH-TK
	Khoa Sơ Sinh		
1.	Phòng giao ban	1	Sơ sinh
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Sơ sinh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
4.	Bộ máy tính	2	Sơ sinh
5.	Bảng viết	1	Sơ sinh
6.	Bộ bàn ghế	5	Sơ sinh
7.	Màn hình TV 100 inch	1	Sơ sinh
8.	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	4	Sơ sinh
9.	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	4	Sơ sinh
10.	Bộ làm ấm làm ẩm để thở oxy dòng cao qua gọng mũi	2	Sơ sinh
11.	Bồn tắm bé kèm hệ thống lọc nước và đun nước	1	Sơ sinh
12.	Bơm tiêm điện	25	Sơ sinh
13.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	2	Sơ sinh
14.	Đèn điều trị vàng da	6	Sơ sinh
15.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	1	Sơ sinh
16.	Giường sưởi ấm sơ sinh	2	Sơ sinh
17.	Hệ thống chăm sóc open care, sưởi ấm, hồi sức, điều trị vàng da sơ sinh	3	Sơ sinh
18.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	3	Sơ sinh
19.	Lồng ấp sơ sinh có cân	4	Sơ sinh
20.	Lồng ấp trẻ sơ sinh không cân	10	Sơ sinh
21.	Máy điện tim 6 kênh	1	Sơ sinh
22.	Máy đo độ bão hòa oxy cầm tay	2	Sơ sinh
23.	Máy đo độ bão hòa oxy để bàn	2	Sơ sinh
24.	Máy hồi sức bóp bóng kiểm soát áp lực cho sơ sinh	3	Sơ sinh
25.	Máy hút ỉm	1	Sơ sinh
26.	Máy hút dịch	1	Sơ sinh
27.	Máy hút dịch áp lực thấp	4	Sơ sinh
28.	Máy khí dung	1	Sơ sinh
29.	Máy theo dõi não Bộ cho trẻ bị ngạt	1	Sơ sinh
30.	Máy thở CPAP cho trẻ sơ sinh	11	Sơ sinh
31.	Máy thở cho trẻ em và sơ sinh	6	Sơ sinh

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
32.	Máy truyền dịch	33	Sơ sinh
33.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	12	Sơ sinh
34.	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	2	Sơ sinh
35.	Nôi chiếu vàng da	5	Sơ sinh
36.	Nôi giữ trẻ cạnh giường	4	Sơ sinh
37.	Tủ lạnh	1	Sơ sinh
38.	Thiết bị làm ấm trẻ sơ sinh	3	Sơ sinh
39.	Máy đo cường độ Bilirubin qua da	1	Sơ sinh
40.	Hệ thống monitor trung tâm theo dõi bệnh nhân	1	Sơ sinh
41.	Monitor theo dõi bệnh nhân	10	Sơ sinh
42.	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	3	Sơ sinh
43.	Máy phun khí dung (Bộ khí dung kết nối máy thở)	1	Sơ sinh
44.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	1	Sơ sinh
45.	Hệ thống Giường sưởi, chiếu vàng da và hồi sức sơ sinh	3	Sơ sinh
46.	Máy thở không xâm nhập	3	Sơ sinh
47.	Hệ thống hạ thân nhiệt	1	Sơ sinh
48.	Máy thở cao tần	2	Sơ sinh
49.	Máy thở	2	Sơ sinh
50.	Máy thở di động	1	Sơ sinh
51.	Tủ ấm	1	Sơ sinh
52.	Tủ vắc xin	1	Sơ sinh
53.	Thiết bị làm sạch không khí	3	Sơ sinh
54.	Xe đẩy cấp cứu	1	Sơ sinh
55.	Đèn điều trị vàng da	8	Sơ sinh
56.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	4	Sơ sinh
	Khoa Các bệnh Nhiệt đới		
1.	Phòng giao ban	1	CBNĐ
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	CBNĐ
4.	Bộ máy tính	2	CBNĐ
5.	Bảng viết	1	CBNĐ
6.	Bộ bàn ghế	5	CBNĐ
7.	Bộ đặt nội khí quản	1	CBNĐ
8.	Bơm tiêm điện	4	CBNĐ
9.	Đèn đọc phim X-quang 2 phim	2	CBNĐ
10.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	2	CBNĐ
11.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	2	CBNĐ
12.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	2	CBNĐ
13.	Máy hút dịch	2	CBNĐ
14.	Máy hút dịch áp lực thấp	1	CBNĐ
15.	Máy khí dung	1	CBNĐ
16.	Máy truyền dịch	12	CBNĐ
17.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	3	CBNĐ
18.	Tủ lạnh	1	CBNĐ
19.	Máy phá rung tim	1	CBNĐ
20.	Máy hút ả	1	CBNĐ
21.	Xe đẩy cấp cứu	1	CBNĐ
22.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	2	CBNĐ
23.	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu	1	CBNĐ
	Khoa Hồi Sức Tích Cực		
1.	Phòng giao ban	1	HSTC
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	HSTC
4.	Bộ máy tính	2	HSTC
5.	Bảng viết	1	HSTC
6.	Bộ bàn ghế	5	HSTC

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
7.	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	1	HSTC
8.	Bộ làm ấm làm ẩm để thở oxy dòng cao qua gọng mũi	2	HSTC
9.	Bơm tiêm điện	16	HSTC
10.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	1	HSTC
11.	Đèn đọc phim X-quang loại 4 phim	1	HSTC
12.	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	12	HSTC
13.	Huyết áp kế trẻ em, sơ sinh	2	HSTC
14.	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay	2	HSTC
15.	Máy hút dịch	4	HSTC
16.	Máy hút dịch áp lực thấp	4	HSTC
17.	Máy khí dung	1	HSTC
18.	Máy tạo nhịp	1	HSTC
19.	Máy thở cho trẻ em và sơ sinh	2	HSTC
20.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	2	HSTC
21.	Máy truyền dịch	9	HSTC
22.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	HSTC
23.	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	2	HSTC
24.	Tủ lạnh	1	HSTC
25.	Thiết bị làm ấm trẻ sơ sinh	1	HSTC
26.	Hệ thống monitor trung tâm theo dõi bệnh nhân	1	HSTC
27.	Máy theo dõi bệnh nhân tại giường	10	HSTC
28.	Máy lọc máu liên tục	2	HSTC
29.	Máy phun khí dung (Bộ khí dung kết nối máy thở)	2	HSTC
30.	Máy giúp thở chức năng cao dùng cho người lớn và trẻ em	2	HSTC
31.	Hệ thống tuần hoàn màng ngoài cơ thể	1	HSTC
32.	Máy hút âm	1	HSTC
33.	Thiết bị làm sạch không khí	2	HSTC
34.	Xe đẩy cấp cứu	1	HSTC

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
35.	Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	2	HSTC
36.	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	3	HSTC
	Khoa Dinh Dưỡng		
1.	Phòng giao ban	1	Dinh dưỡng
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	1	Dinh dưỡng
4.	Bộ máy tính	1	Dinh dưỡng
5.	Bộ bàn ghế	3	Dinh dưỡng
6.	Cân đo lớp mỡ dưới da	1	Dinh dưỡng
7.	Cân trẻ sơ sinh kèm thước đo	1	Dinh dưỡng
	Khoa Huyết học – Vi sinh – Sinh học phân tử		
1.	Phòng giao ban	1	HH-VS-SHPT
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	HH-VS-SHPT
4.	Bộ máy tính	2	HH-VS-SHPT
5.	Bảng viết	1	HH-VS-SHPT
6.	Bộ bàn ghế	5	HH-VS-SHPT
7.	Bộ micro-pipette 1 kênh	1	HH-VS-SHPT
8.	Bộ tủ thao tác đôi	1	HH-VS-SHPT
9.	Hệ thống định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	1	HH-VS-SHPT
10.	Kính hiển vi hai mắt	2	HH-VS-SHPT
11.	Kính hiển vi huỳnh quang	1	HH-VS-SHPT
12.	Máy đếm khuẩn lạc	1	HH-VS-SHPT
13.	Máy đo độ pH dung dịch	1	HH-VS-SHPT
14.	Máy đo tốc độ máu lắng	1	HH-VS-SHPT
15.	Máy hút ẩm	4	HH-VS-SHPT
16.	Máy khuấy từ	1	HH-VS-SHPT
17.	Máy lắc có cân để lấy máu	1	HH-VS-SHPT

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
18.	Máy lắc ngang	1	HH-VS-SHPT
19.	Máy lắc tròn	1	HH-VS-SHPT
20.	Máy li tâm	1	HH-VS-SHPT
21.	Máy ly tâm (Rotor văng ngang)	1	HH-VS-SHPT
22.	Máy ly tâm lạnh sử dụng cả ống lẫn túi máu	1	HH-VS-SHPT
23.	Máy nuôi cấy tự động	1	HH-VS-SHPT
24.	Máy nghiền mẫu ướt	1	HH-VS-SHPT
25.	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	2	HH-VS-SHPT
26.	Máy phân tích huyết học tự động 26 thông số	1	HH-VS-SHPT
27.	Máy Spindown	1	HH-VS-SHPT
28.	Máy tách chiết tự động	2	HH-VS-SHPT
29.	Máy ủ nhiệt khô	1	HH-VS-SHPT
30.	Máy Vortex	1	HH-VS-SHPT
31.	Máy xét nghiệm realtime PCR	2	HH-VS-SHPT
32.	Nồi cách thủy	2	HH-VS-SHPT
33.	Nồi hấp điện ≥ 50 Lit	1	HH-VS-SHPT
34.	Tủ an toàn sinh học	1	HH-VS-SHPT
35.	Tủ lạnh	1	HH-VS-SHPT
36.	Tủ lạnh âm sâu	3	HH-VS-SHPT
37.	Tủ lạnh âm sâu -30oC	1	HH-VS-SHPT
38.	Tủ lạnh bảo quản hóa chất, sinh vật phẩm	1	HH-VS-SHPT
39.	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	1	HH-VS-SHPT
40.	Tủ lạnh trữ máu	2	HH-VS-SHPT
41.	Tủ nuôi cấy có CO2	1	HH-VS-SHPT
42.	Tủ nuôi cấy vi sinh	1	HH-VS-SHPT
43.	Tủ sấy điện 250 độ C dung tích ≥ 50 lít	1	HH-VS-SHPT
44.	Tủ sấy điện 250 độ C loại nhỏ	2	HH-VS-SHPT
45.	Máy đo độ đông máu tự động	2	HH-VS-SHPT
46.	Bộ Pipet xét nghiệm	1	HH-VS-SHPT

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
47.	Máy ly tâm đa năng	2	HH-VS-SHPT
48.	Tủ nuôi cấy yếm khí	1	HH-VS-SHPT
49.	Máy đo tốc độ lắng máu	1	HH-VS-SHPT
50.	Hộp trung chuyển - pass box	1	HH-VS-SHPT
51.	Máy phân tích đông máu tự động	1	HH-VS-SHPT
52.	Máy điện di	1	HH-VS-SHPT
53.	Máy phân tích huyết học	1	HH-VS-SHPT
54.	Máy ép túi máu	1	HH-VS-SHPT
55.	Máy hàn dây túi máu	1	HH-VS-SHPT
56.	Tủ mát	1	HH-VS-SHPT
57.	Pipet đa kênh	2	HH-VS-SHPT
58.	Máy điện di mao quản	1	HH-VS-SHPT
59.	Máy xét nghiệm đông máu	1	HH-VS-SHPT
60.	Máy xét nghiệm huyết học tự động	1	HH-VS-SHPT
61.	Máy xét nghiệm phân tự động	1	HH-VS-SHPT
	Khoa Sinh hóa		
1.	Phòng giao ban	1	Sinh hóa
2.	Phòng học	2	PL 3 Danh mục thiết bị dùng chung
3.	Phòng trực cho nhân viên y tế	2	Sinh hóa
4.	Bộ máy tính	2	Sinh hóa
5.	Bảng viết	1	Sinh hóa
6.	Bộ bàn ghế	5	Sinh hóa
7.	Bộ Pipet xét nghiệm	2	Sinh hóa
8.	Máy chiếu	1	Sinh hóa
9.	Màn chiếu	1	Sinh hóa
10.	Bộ Pipet xét nghiệm	2	Sinh hóa
11.	Kính hiển vi có chụp ảnh	2	Sinh hóa
12.	Máy cắt lát vi thể	1	Sinh hóa

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
13.	Máy cắt lát vi thể đông lạnh	1	Sinh hóa
14.	Máy hút ẩm	2	Sinh hóa
15.	Máy ly tâm đa năng	2	Sinh hóa
16.	Máy nhuộm tiêu bản	1	Sinh hóa
17.	Máy phân tích khí máu	1	Sinh hóa
18.	Máy phân tích miễn dịch tự động	1	Sinh hóa
19.	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	2	Sinh hóa
20.	Máy phân tích sinh hoá tự động	1	Sinh hóa
21.	Máy sấy tiêu bản	1	Sinh hóa
22.	Máy xử lý mẫu tế bào tự động	1	Sinh hóa
23.	Tủ bảo quản tử thi 2 ngăn	1	Sinh hóa
24.	Tủ hút khí độc	1	Sinh hóa
25.	Tủ lạnh	1	Sinh hóa
26.	Tủ lạnh >= 300 lít	1	Sinh hóa
27.	Tủ sấy điện 250 độ C dung tích ≥ 50 lít	1	Sinh hóa
28.	Hệ thống xét nghiệm Elisa	1	Sinh hóa
29.	Máy đọc Elisa	1	Sinh hóa
30.	Máy rửa Elisa	1	Sinh hóa
31.	Máy ủ lắc	1	Sinh hóa
32.	Kính hiển vi hai mắt	1	Sinh hóa
33.	Máy xét nghiệm khí máu	1	Sinh hóa
34.	Máy miễn dịch tự động	2	Sinh hóa
35.	Máy xét nghiệm tế bào	2	Sinh hóa
36.	Hệ thống xét nghiệm tự động hóa	2	Sinh hóa
37.	Máy nước tiểu tự động	1	Sinh hóa
38.	Máy sinh hóa tự động	1	Sinh hóa
39.	Hệ thống sàng lọc sơ sinh VICTOR 2D	1	Sinh hóa
40.	Máy điện giải tự động	1	Sinh hóa
41.	Máy cắt bệnh phẩm	1	Sinh hóa

STT	Tên thiết bị	Số Lượng	Ghi chú
42.	Máy xử lý mô	1	Sinh hóa
43.	Tủ mát	1	Sinh hóa